



## 第一步 Dì yī bù: Beginners' Chinese

### Dates

Now for some key words when talking about days of the week and dates in general.  
Listen as two people discuss what day it is.

- 今天是几号?  
*Jīntiān shì jǐ hào?*
- 今天是二月十九号。  
*Jīntiān shì èryuè shíjiǔ hào.*
- 今天是星期几?  
*Jīntiān shì xīngqī jǐ?*
- 今天是星期五。  
*Jīntiān shì xīngqīwǔ.*
- 明天是几月几号?  
*Míngtiān shì jǐ yuè jǐ hào?*
- 明天是十一月二十九号。  
*Míngtiān shì shíyīyuè èrshíjiǔ hào.*